

# Thuốc điều trị nhồi máu cơ tim

→ DS. MAI XUÂN DŨNG

**N**hồi máu cơ tim là một bệnh lý tim mạch thường xảy ra, gây nguy cơ tử vong cao nếu không được cấp cứu kịp thời!

Nhồi máu cơ tim là tình trạng một vùng cơ tim bị tổn thương, hoại tử và ngưng hoạt động vĩnh viễn, do các động mạch vành bị tắc nghẽn làm ngưng đột ngột sự cung cấp máu đến nuôi cơ tim.

Có hai nguyên nhân chính làm tắc nghẽn động mạch vành gây ra nhồi máu cơ tim:

- Do xơ vữa động mạch vành (là nguyên nhân chủ yếu gây ra nhồi máu cơ tim): Sự tích tụ các chất béo (cholesterol, triglycerid) và calci trong lòng động mạch vành, hình thành nên những mảng xơ vữa. Các mảng xơ vữa này sẽ làm thành động mạch vành dày lên, kém đàn hồi, cứng và làm giảm lưu lượng máu đến tim, gia tăng nguy cơ hình thành huyết khối ở động mạch vành, làm ngưng cung cấp máu đến cơ tim.

- Do co thắt động mạch vành làm ngưng cung cấp máu đến cơ tim.

Ngoài ra, còn có nhiều yếu tố nguy cơ gây ra nhồi máu cơ tim như huyết áp cao, đái tháo đường, hút thuốc lá, béo phì, ít vận động, lượng cholesterol và triglycerid trong máu cao, tiền sử gia đình bị nhồi máu cơ tim...

Các triệu chứng điển hình của nhồi máu cơ tim: đau ngực, cơn đau có thể lan lên hàm dưới và xuyên ra sau lưng hoặc lan xuống tay trái. Trong trường hợp hiếm: đau ở vùng thượng vị gây nhầm lẫn với các bệnh khác; khó thở, thở gấp; đổ mồ hôi, da lạnh; buồn nôn, nôn; mệt mỏi, căng thẳng, lo lắng; chóng mặt, hôn mê.

Nhồi máu cơ tim đưa đến các biến chứng: loạn nhịp tim, suy tim, tổn thương van tim, rung thất... và có thể dẫn đến tử vong.

Thuốc điều trị nhồi máu cơ tim

Khi nhồi máu cơ tim xảy ra, máu đến nuôi cơ tim bị ngưng trệ, các mô cơ tim bị thiếu oxy dẫn đến tổn thương, hoại tử và ngưng hoạt động. Các thuốc được sử dụng trong điều trị nhồi máu cơ tim nhằm giúp nhanh chóng khôi phục lưu thông máu ở động mạch vành, giảm đau và giảm nhu cầu tiêu thụ oxy ở mô cơ tim.

Sau đây là các nhóm thuốc thường được sử dụng trong điều trị nhồi máu cơ tim:

• **Nhóm thuốc kháng kết tập tiểu cầu** (aspirin, clopidogrel, ticagrelor...) có tác dụng ngăn chặn sự kết dính các tiểu cầu để hình thành huyết khối ở động mạch vành.

Aspirin thường được sử dụng ở dạng thuốc viên với hàm lượng 81mg.

Clopidogrel được sử dụng thay thế aspirin khi người bệnh bị dị ứng với aspirin hay có tiền sử viêm loét dạ dày - tá tràng.

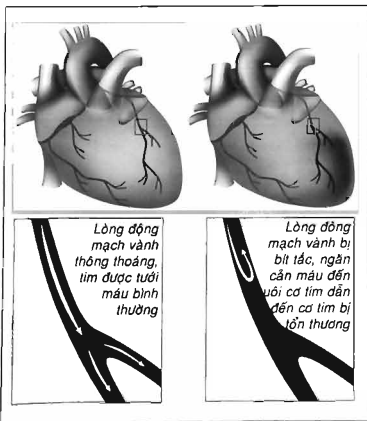
• **Nhóm thuốc chống đông máu:** heparin được sử dụng ở dạng tiêm truyền tĩnh mạch, có tác dụng làm loãng máu, ngăn chặn quá trình đông máu hình thành huyết khối.

• **Nhóm thuốc nitrat** (glyceryl trinitrat, isosorbid dinitrat, isosorbid mononitrat) là những thuốc có tính giãn mạch, giúp tăng lưu lượng máu qua động mạch vành, cung cấp đủ máu và oxy cho cơ tim.

• **Nhóm thuốc chẹn beta** (atenolol, propranolol, bisoprolol...) có tác dụng làm chậm nhịp tim, thư giãn cơ tim nên làm giảm gánh nặng hoạt động của tim và làm giảm triệu chứng đau ngực của nhồi máu cơ tim.

• **Nhóm thuốc ức chế men chuyển** (captopril, enalapril...) là những thuốc có tác dụng giãn mạch, tăng cường tốc độ lưu thông máu. nên thường được sử dụng trong điều trị nhồi máu cơ tim.

• **Nhóm thuốc statin** (lovastatin, simvastatin, atorvastatin...) có tác dụng làm giảm cholesterol trong máu, ngăn chặn xơ vữa động mạch vành gây ra nhồi máu cơ tim.



• **Nhóm thuốc giảm đau opioid:** morphin là thuốc giảm đau nhóm opioid thường được sử dụng để làm giảm đau và giảm nhu cầu tiêu thụ oxy ở mô cơ tim trong nhồi máu cơ tim.

### Cần lưu ý

> Các thuốc được sử dụng trong điều trị nhồi máu cơ tim phải được sự chỉ định và theo dõi của các thầy thuốc chuyên khoa.

> Người bệnh phải tuân theo sự chỉ định chặt chẽ của thầy thuốc, tránh ngưng sử dụng thuốc đột ngột.

> Sau lần đầu tiên điều trị nhồi máu cơ tim, người bệnh nên tiếp tục sử dụng bốn nhóm thuốc mỗi ngày (thuốc kháng kết tập tiểu cầu, thuốc chẹn beta, thuốc ức chế men chuyển, thuốc statin) để phòng ngừa tái phát nhồi máu cơ tim theo hướng dẫn của bác sĩ điều trị.

Với bệnh nhồi máu cơ tim, việc phòng ngừa bệnh là hết sức quan trọng, cần tránh các yếu tố nguy cơ như không hút thuốc lá (thuốc lá gây co thắt các mạch máu và gia tăng xơ vữa động mạch vành), kiểm soát huyết áp và đường huyết, chế độ dinh dưỡng nhiều rau quả, ít chất béo, tăng cường luyện tập thể dục, thể thao, tránh béo phì... sẽ giúp chúng ta có một trái tim khỏe mạnh!

U xơ tử cung là những khối u nhỏ lành tính phát triển và hình thành từ cơ tử cung thường gặp ở phụ nữ trong độ tuổi bùng nổ động tình dục. U xơ tử cung có thể có một hay nhiều, đường kính thay đổi từ vài milimet đến vài chục milimet, gọi là lành tính tức không phát triển thành ung thư.

Nguyên nhân vì sao phụ nữ bị u xơ tử cung hay nay vẫn chưa rõ, nhưng giả thuyết do cường nội tiết tố (hormon) nữ là estrogen, tức estrogen tiết ra nhiều và hoạt động mạnh, được nhiều người ủng hộ. Nội tiết tố u xơ tử cung phát triển tạo gây biến chứng chèn ép gây các rối loạn, thường tổn ở cơ quan sinh dục thì sẽ được bác sĩ điều trị bằng cách mổ, bóc u xơ tử cung hoặc có khi cắt một phần hay toàn phần tử cung để loại bỏ hoàn toàn u xơ tử cung. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp bị u xơ tử cung nhưng không biểu lộ triệu chứng và bác sĩ không can thiệp bằng phẫu thuật chỉ theo dõi (có khi điều trị nội khoa bằng thuốc progesteron). Có khoảng 1/3 trường hợp u xơ tử cung không triệu chứng ở quanh tuổi 40 sẽ đi vào thời kỳ

## Farzincol

Vi chất cần thiết cho trẻ em



**FARZINCOL** là vi chất  
 Gồm chất: kẽm sulfat monohydrat, ... 8,5mg, Triacetat đồng dihydrat, mangan sunfat, sắt sunfat, cobalamin, vitamin B12, vitamin B6, vitamin B9, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B3, vitamin B5, vitamin B7, vitamin B8, vitamin B10, vitamin B11, vitamin B12, vitamin B13, vitamin B14, vitamin B15, vitamin B16, vitamin B17, vitamin B18, vitamin B19, vitamin B20, vitamin B21, vitamin B22, vitamin B23, vitamin B24, vitamin B25, vitamin B26, vitamin B27, vitamin B28, vitamin B29, vitamin B30, vitamin B31, vitamin B32, vitamin B33, vitamin B34, vitamin B35, vitamin B36, vitamin B37, vitamin B38, vitamin B39, vitamin B40, vitamin B41, vitamin B42, vitamin B43, vitamin B44, vitamin B45, vitamin B46, vitamin B47, vitamin B48, vitamin B49, vitamin B50, vitamin B51, vitamin B52, vitamin B53, vitamin B54, vitamin B55, vitamin B56, vitamin B57, vitamin B58, vitamin B59, vitamin B60, vitamin B61, vitamin B62, vitamin B63, vitamin B64, vitamin B65, vitamin B66, vitamin B67, vitamin B68, vitamin B69, vitamin B70, vitamin B71, vitamin B72, vitamin B73, vitamin B74, vitamin B75, vitamin B76, vitamin B77, vitamin B78, vitamin B79, vitamin B80, vitamin B81, vitamin B82, vitamin B83, vitamin B84, vitamin B85, vitamin B86, vitamin B87, vitamin B88, vitamin B89, vitamin B90, vitamin B91, vitamin B92, vitamin B93, vitamin B94, vitamin B95, vitamin B96, vitamin B97, vitamin B98, vitamin B99, vitamin B100.



### Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

FARZINCOL 0,6% (1mg/10ml) (Chứa 90 mg/l)

Cách dùng và liều dùng:

- Phòng ngừa thiếu sắt: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Điều trị thiếu sắt: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Phòng ngừa thiếu kẽm: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Điều trị thiếu kẽm: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Phòng ngừa thiếu đồng: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Điều trị thiếu đồng: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

Sở dĩ quy định nhận hồ sơ đăng ký quảng cáo thuốc của Cục Quản lý thuốc: 0143/14/QLD-TT ngày 10/06/2014

FARZINCOL (Chứa 1 mg/10ml) (Chứa 100 mg/l)

Cách dùng và liều dùng:

- Phòng ngừa thiếu sắt: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Điều trị thiếu sắt: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Phòng ngừa thiếu kẽm: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Điều trị thiếu kẽm: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Phòng ngừa thiếu đồng: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

- Điều trị thiếu đồng: Trẻ nhỏ dùng 12 giọt mỗi ngày, 1-3 tuổi: 1-2 giọt mỗi ngày, 3-6 tuổi: 2-3 giọt mỗi ngày, 6-12 tuổi: 3-4 giọt mỗi ngày, 12-18 tuổi: 4-5 giọt mỗi ngày, 18-25 tuổi: 5-6 giọt mỗi ngày, 25-35 tuổi: 6-7 giọt mỗi ngày, 35-45 tuổi: 7-8 giọt mỗi ngày, 45-55 tuổi: 8-9 giọt mỗi ngày, 55-65 tuổi: 9-10 giọt mỗi ngày, 65-75 tuổi: 10-11 giọt mỗi ngày, 75-85 tuổi: 11-12 giọt mỗi ngày, 85-95 tuổi: 12-13 giọt mỗi ngày, 95-100 tuổi: 13-14 giọt mỗi ngày.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC**  
 367 Nguyễn Trãi Q1 - TPHCM ĐT: (08) 39200300 - Fax: (08) 39200096 - Website: <http://www.pharmedic.com.vn>